

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 129/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 21 – 7 – 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tân

2. Bà Phan Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2022/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 230/2022/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Thành N, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tổ A, ấp BH, xã MK, thành phố LX, An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1969. Địa chỉ: số B, đường LH, khóm BK, phường BK, thành phố LX, An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2022 và tại các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Thành N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà D tự nguyện tìm hiểu tiền đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/3/2021 tại Ủy ban nhân dân phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa ông Lê Thành N và bà Huỳnh Thị D là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường BK, thành phố LX. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, mặc dù bà D đã nhận trực tiếp các văn bản của Tòa án nhưng tại phiên tòa hôm nay bà tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Ông N có đơn yêu cầu được vắng mặt khi xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thành N và bà Huỳnh Thị D tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường BK cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 20 ngày 02/3/2022, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Ông N cho rằng, quá trình sống chung vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn không có biện pháp khắc phục. Phía bà D được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng bà vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của ông N và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, bà D đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc bà không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông N và bà D không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông N được ly hôn bà D.

[6] Về con chung: Do không có ý kiến của bà D về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của bà D về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[8] *Về án phí:* Ông N phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông N đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001257 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, ông N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành N được ly hôn bà Huỳnh Thị D.

- Về con chung: Không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Ông N phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông N đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001257 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, ông N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông N và bà D được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu: hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh

